TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 407/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31- 8 - 2023
V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Văn Chiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Tám

2. Ông Huỳnh Văn Sức

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Trần Thiện Nhân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng – Kiểm sát viên sơ cấp

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 196/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp Hôn nhân và Gia đình " Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 242/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2023 và Quyết định Hoãn phiên toà số 203/2023/QĐST -DS, ngày 18/8/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Phan Thị Ngọc T, sinh năm 1994.

Nơi cư trú: số H, tổ A, khóm P, thị trấn C, huyện P, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1994.

Nơi cư trú: số H, tổ A, khóm P, thị trấn C, huyện P, tỉnh An Giang.

(chị T xin vắng mặt, anh N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình hòa giải, nguyên đơn Phan Thị Ngọc T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn N sau thời gian tìm hiểu được hai bên gia đình đồng ý, không có tổ chức lễ cưới nhưng sống chung như vợ chồng từ năm 2009 đến năm 2014 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện P, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 27/2014 ngày 13 tháng 02 năm 2014.

Sau khi chung sống vợ chồng sống chung bên gia đình chị, thời gian đầu thì cuộc sống bình thường, chị thì buôn bán khô, cá còn anh N thì làm phụ hồ, quá trình chung sống vợ chồng cũng hay xảy ra mâu thuẫn về chuyện tiền bạc do không đủ tiền lo cho con nhỏ ăn học nhưng anh N thường xuyên uồng rượu say xỉn và cờ bạc đá gà. Đến năm 2018 thì vợ chồng đi đến tỉnh Đồng Nai để làm công nhân ở Công ty Đ1, thời gian này cũng thường xuyên cãi nhau về chuyện tiền bạc do anh N hay uống rượu say xỉn và cờ bạc, chị còn phát hiện anh N có sử dụng ma túy, chị nhiều lần khuyên ngăn do sợ ảnh hưởng đến chị và các con nhưng anh N không nghe, đến năm 2021 anh N có mâu thuẫn với đồng nghiệp trong công ty nên vợ chồng trở về quê sinh sống. Khi về quê anh N không lo làm để kiếm tiền nuôi con mà chỉ nhậu say xỉn, không phụ giúp chị lo cho các con, nên chị gửi con ở nhà cha mẹ ruột và đến Thành phố Hồ Chí Minh làm thuê để gửi tiền về lo cho các con từ đó vợ chồng ly thân cho đến nay. Sau ly thân anh N không hàn gắn tình cảm mà chỉ gọi điện hăm doạ chị, gia đình cũng đã hàn gắn nhưng không được. Nay cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, chị cũng không còn tình cảm nên xin ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

- Về nuôi con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim T1, sinh ngày 20/9/2010 và Nguyễn Trung N1, sinh ngày 20/3/2014, hiện chị đang nuôi dưỡng hai con. Ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

* Anh Nguyễn Văn N vắng mặt từ khi Toà án thụ lý vụ án nên không có ý kiến trình bày.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật, tuy nhiên anh N vắng mặt suốt quá trình tố tụng là chấp hành pháp luật chưa nghiêm, anh cũng được tống đạt triệu tập để nghe xét xử đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt, chị T có đơn xin vắng mặt và có ý kiến trình bày rõ ràng yêu cầu của mình, do đó đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xét xử vắng mặt anh N và chị T theo Điều 227 và Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Hôn nhân của anh, chị do hai người tìm hiểu được cha mẹ chấp thuận, không tổ chức lễ cưới chung sống năm 2009, đến năm 2014 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân T, huyện P, tỉnh An Giang, thời gian đầu chung sống hạnh phúc sau đó vợ chồng cùng đi làm công nhân ở tỉnh Đồng Nai được một thời gian, anh N thường xuyên uống rượu, cờ bạc, sử dụng ma tuý, thiếu trách nhiệm trong việc chăm sóc gia đình, khi không làm công nhân nữa về quê sinh sống cũng không kiếm việc làm để nuôi con từ đó vợ chồng thường xuyên cải vã, chị T gởi con cho cha mẹ ruột đến TP HCM làm thuê vợ chồng ly thân, sau khi ly thân anh N không tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn, mà còn hăm doạ, từ đó tình cảm vợ chồng phai nhạt, mục đích hôn nhân không đạt được, nên

chị T yêu cầu ly hôn với anh N là có căn cứ, phù hợp với lời trình bày của bà Phạm Thị Anh Đ (mẹ ruột chị T), đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xem xét chấp nhận.

- Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim T1, sinh ngày 20/9/2010 và Nguyễn Trung N1, sinh ngày 20/3/2014, hiện do chị T đang nuôi dưỡng chị yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con. Xét thấy việc trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con sau khi ly hôn, vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên đối với con chưa thành niên, cháu T1 và cháu N1 có nguyện vọng sống với chị T, hai cháu cũng được nuôi dưỡng chăm sóc đảm bảo, do đó đề nghị HĐXX giao 02 cháu cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh N không phải cấp dưỡng cho con cũng phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có tranh chấp nên không giải quyết

Đồng thời buộc các đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về người tham gia tố tụng: nguyên đơn chị Phan Thị Ngọc T yêu cầu được vắng mặt khi xét xử, chị có ý kiến trình bày rõ ràng yêu cầu của mình; bị đơn anh Nguyễn Văn N đã được tống đạt các văn bản tố tụng cũng như triệu tập lần thứ 2 để nghe xét xử, nhưng anh vẫn vắng mặt, việc vắng mặt của anh, chị không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án, nên HĐXX xét xử vắng mặt anh, chị theo Điều 227 và Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự để đảm bảo quyền lợi cho các bên.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: hiện nay anh N cư trú tại: khóm P, TT C, huyện P, tỉnh An Giang, nên chị T khởi kiện xin ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về quan hệ tranh chấp: chị T xin ly hôn và giải quyết việc nuôi con, nên quan hệ tranh chấp là " Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện, hôn nhân của anh, chị do hai người tự tìm hiểu, được cha mẹ đồng ý, không tổ chức lễ cưới chung sống năm 2009, đến năm 2014 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân T, huyện P, tỉnh An Giang, quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do hai người bất đồng ý kiến trong tiền bạc sinh hoạt hàng ngày, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh N thường xuyên uống rượu, cờ bạc và sử dụng ma tuý, thiếu trách nhiệm chăm sóc gia đình, không tìm kiếm việc làm để có điều kiện nuôi các con, nên chị T phải gởi con cho cha, mẹ ruột lên TP HCM làm thuê gởi tiền về nuôi con từ đó vợ chồng ly thân, sau khi ly thân anh N không liên lạc tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn, mà gọi điện hăm doạ chị T, từ đó tình cảm vợ chồng phai nhạt, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị T yêu cầu ly hôn với anh

N là có căn cứ, phù hợp với lời trình bày của của bà Phạm Thị Anh Đ (mẹ ruột chị T), để anh chị có cuộc sống riêng sau này, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

- Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim T1, sinh ngày 20/9/2010 và Nguyễn Trung N1, sinh ngày 20/3/2014, hiện do chị T đang nuôi dưỡng chị yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con. Xét thấy việc trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con sau khi ly hôn, vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên đối với con chưa thành niên, cháu T1 và cháu N1 có nguyện vọng sống với chị T, hai cháu cũng được nuôi dưỡng chăm sóc đảm bảo, do đó HĐXX giao 02 cháu cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng đến thành niên hoặc tự lập được, anh N không phải cấp dưỡng cho con cũng phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Về quan hệ tài sản chung: Các bên không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Ghi nhận chị T khai không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì anh N, chị T phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án khác.

[3] Về án phí: chị Phan Thị Ngọc T là người xin ly hôn, nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 56 và Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ Luật Tố tụng Dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ Điều 26, khoản 5 Điều 27, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phan Thị Ngọc T đối với anh Nguyễn Văn N.

- Về hôn nhân: chị Phan Thị Ngọc T được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 27/2014 ngày 13 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân T, huyện P, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực.

- Về con chung: Tiếp tục giao 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim T1, sinh ngày 20/9/2010 và Nguyễn Trung N1, sinh ngày 20/3/2014 cho chị Phan Thị

Ngọc T nuôi dưỡng đến thành niên hoặc tự lập được, anh Nguyễn Văn N không phải cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: không có.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Phan Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006217 ngày 02/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, anh Nguyễn Văn N không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án, được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sư, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Chiến